

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

Số: 1361 /NMĐSH1-TM
V/v cung cấp báo giá “Mua sắm hóa chất công nghiệp cho NMĐ Sông Hậu 1”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 17 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa “Mua sắm hóa chất công nghiệp cho NMĐ Sông Hậu 1”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị đơn vị quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho công tác mua sắm hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Chi tiết như phụ lục đính kèm.
2. Thời gian cung cấp hàng hóa: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 01/7/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại - NMĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ

Email: huongpt02@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1: N.V.Chính (để b/c);
- Lưu: VT, TM (P.T.H.02).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC : DANH MỤC HÀNG HÓA
(Đính kèm Công văn số: 136L/NMĐSH1-TM, ngày 17 /6 /2026)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất tham khảo	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
1	Sodium Hypochlorite, NaOCl	Nồng độ: $\geq 12\%$, dạng lỏng Vận chuyển: xe téc	-	Việt Nam	Kg	16.548
2	Hydrochloric acid, HCl	Nồng độ: $\geq 35\%$, dạng lỏng, trong suốt, $Fe \leq 30$ ppm, hàm lượng chất hữu cơ ≤ 100 ppm Vận chuyển: xe téc	-	Việt Nam	Kg	463.110
3	NaOH	Nồng độ: $\geq 45\%$, dạng lỏng, trong suốt, $NaClO_3 \leq 0.002\%$ Vận chuyển: xe téc	-	Việt Nam	Kg	1.322.208
4	SBS $NaHSO_3$	Dạng bột, $NaHSO_3 \geq 99\%$, không tan trong nước $\leq 0.03\%$ Quy cách: bao 25 kg	-	ASIA	Kg	600
5	Antiscalent (Genesys LF)	Dạng lỏng pH: 9.8 - 10.2 Tỉ trọng ở 20 °C: 1.34 - 1.37 Quy cách: can 25 kg	Genesys LF(Genesys International)	Châu Âu/OECD	Kg	750
6	$FeCl_3$	Nồng độ: $\geq 36\%$, dạng lỏng Vận chuyển: xe téc	-	Việt Nam	Kg	68.892

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất tham khảo	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
7	A-Polymer (Specfloc A-1120)	pH 0.5%: 5.5-9 Viscosity 0.5%: >80 cps Oversize: ≤ 1 %weight Fines: ≤ 10 %weight Quy cách: bao 25 kg	KMR	Châu Âu/OECD	Kg	2.425
8	C-Polymer (Specfloc C-1492)	Viscosity: 2.7-4.1 cps Cationic product charge: 7.3 - 14.7 meq/g Solids: ≥ 90 %weight Insolubles: ≤ 2 %weight Oversize: ≤ 1 %weight Fines: ≤ 10 %weight Quy cách: bao 25 kg	KMR	Châu Âu/OECD	Kg	325
9	Amoniac (NH ₄ OH)	Nồng độ: ≥25%, dạng lỏng Hàm lượng Cl: ≤1 ppm Hàm lượng S: ≤1,5 ppm Hàm lượng Na: ≤1 ppm Hàm lượng Fe: ≤0,2 ppm Quy cách: phuy 200kg	-	Việt Nam	Kg	46.200
10	Hóa chất Clo lỏng công nghiệp	Hàm lượng Cl ₂ ≥ 99,5%; Vận chuyển: bình chứa, 850-900 kg	-	Việt Nam	Kg	173.400
11	Alum Al ₂ (SO ₄) ₃ .14H ₂ O	Nồng độ: ≥8 %, dạng lỏng Vận chuyển: xe téc	-	Việt Nam	Kg	131.574

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất tham khảo	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
12	Na ₂ CO ₃	Nồng độ: ≥99 % (dạng bột), không tan trong nước ≤ 0.03 % Vận chuyển: xe bồn chuyên dụng (hoặc trong bao nguyên đai, nguyên kiện) (bao 40 kg và 750kg)	-	ASIA	Kg	9.360
13	Antifoam (Sokalan AF)	Dạng lỏng Màu sắc (thang alpha) 23 °C: ≤ 100 pH (23 °C): 5.0 - 8.0 Độ nhớt động học 25 °C: 300 - 400 mm ² /s Quy cách: can 20 kg	BASF	Châu Âu/OECD	Kg	380
14	Lime Ca(OH) ₂	Dạng bột, hydrat lime ≥ 95%, độ ẩm ≤ 2%, Hàm lượng chất rắn không tan trong acid ≤ 0.02%, Thành phần hạt (nhỏ hơn 75 μm - 200 mesh) ≥ 95% Quy cách: bao 25 kg	-	Việt Nam	Kg	2.000
15	Polyelectrolyte (Kurita C-3310)	Dạng bột, màu trắng pH (25 °C): 6.5 - 8.5 Quy cách: bao 15 kg	Kurita - GK chemical	ASEAN	Kg	540

more than

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất tham khảo	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
16	HMV 2808	Dạng lỏng, màu lục lam nhạt Tỉ trọng: 1.12 - 1.24 g/ml pH: 11.02 - 12.18 Quy cách: 20 kg/can HMV2808/Hoimyoung Waterzen Co., Ltd	Hoimyoung WaterZen	Châu Âu/OECD	Kg	3.140
17	Phot phat Na_3PO_4	$\text{Na}_3\text{PO}_4 \cdot 12 \text{H}_2\text{O}$ (dạng ngâm nước), dạng bột Quy cách: 25 kg/bao	-	Việt Nam	Kg	50
18	Oxygen scavenger (chất khử oxi) (Carbohydrazide)	Dạng bột Quy cách: 25 kg/thùng	Welsconda	ASIA	Kg	50
19	Antiscalant (Sokalan PM 15 I)	Dạng lỏng Tỉ trọng (23 °C) : 1.24 - 1.28 g/ml pH (23 °C): 7.5 - 8.5 Quy cách: can 20 kg	BASF	Châu Âu/OECD	Kg	280
20	Alum $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 \cdot 14\text{H}_2\text{O}$ (rắn)	Dạng rắn, $\text{Al}_2\text{O}_3 \geq 17\%$, kích thước hạt 5 - 15 mm Quy cách: bao 50 kg	PT	ASEAN	Kg	3.550
21	Corrosion Inhibitor - 3D Trasar 3DT487	Dạng lỏng, màu vàng Độ pH: 1.3-2.0 Quy cách: can 23 kg	NALCO Water	ASEAN	Kg	230



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất tham khảo	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
22	Orgatrol 6217	Dạng lỏng, màu nâu Độ pH: < 2.5 Tỷ trọng: 1.15 g/ml Quy cách: 25 kg/can	Orgatech	Việt Nam	Kg	100
23	Orgatrol 1100	Dạng lỏng, màu vàng nhạt Độ pH: < 4.5 Tỷ trọng: 1.12 g/ml Quy cách: 25 kg/can	Orgatech	Việt Nam	Kg	225
24	Orgatrol 1105	Dạng lỏng, màu vàng Hàm lượng NaOCl: $10.0 \pm 2\%$ Độ pH: 12-13 Quy cách: 25 kg/can	Orgatech	Việt Nam	Kg	425
25	Orgatrol 4201	Dạng lỏng, màu nâu Độ pH: > 12.5 Tỷ trọng: 1.15 g/ml Quy cách: 25 kg/can	Orgatech	Việt Nam	Kg	150
26	HMV 203	Hóa chất CIP RO Dạng lỏng, màu nâu đậm Độ pH: 2.3 Trọng lượng riêng: 1.15 g/ml Quy cách: can 20 kg	Hoimyoung WaterZen	Châu Âu/OECD	Kg	300

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất tham khảo	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
27	HMV 611	Hóa chất CIP RO Dạng lỏng, không màu Độ pH: trên 10.2 Trọng lượng riêng: 1.08 g/ml Quy cách: can 20 kg	Hoimyun WaterZen	Châu Âu/OECD	Kg	380

Yêu cầu khác:

- Nhà cung cấp bơm trực tiếp hóa chất vào bồn đối với hoá chất lỏng (NaOH, HCl, FeCl₃, NaOCl, Alum 8%);
- Nhà cung cấp cấp hóa chất vào kho, bồn chứa đối với hoá chất rắn, hoá chất dạng can;
- Yêu cầu tiến độ giao hàng hoá chất trong nước thời gian trong vòng 5 ngày kể từ ngày Nhà máy đề nghị cấp hàng;
- Yêu cầu tiến độ giao hàng hoá chất nhập khẩu thời gian trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nhà máy đề nghị cấp hàng;
- Yêu cầu Nhà cung cấp hoá chất kiểm định bình chứa Clo lỏng theo định kỳ;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Nhà sản xuất nêu trên là tham khảo, Nhà thầu có thể chào đúng loại và nhà sản xuất như trên hoặc chào hàng tương đương về Thông số kỹ thuật hoặc tốt hơn ngoại trừ các mục từ 22 đến 25 (phải chào hàng đúng loại như yêu cầu);
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa (đối với hóa chất lưu kho).
- * Lưu ý: để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bảng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.

